

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 199/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 22 - 8 - 2019

Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ Tòa phiên tòa : Bà Nguyễn Thị Mộng Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông La Văn Việt
2. Ông Lê Hồng Tuấn

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hào – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, Tỉnh Long an.

Trong ngày 22 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 2622/2019/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2019 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 129/2019/QĐXX- ST ngày 07 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1977 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Quảng Huế, xã Đại Hòa, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam

2. Bị đơn: Bà Lại Thị Nh, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn B trình bày theo đơn khởi kiện đề ngày 14/6/2019 như sau:

Về hôn nhân: ông và bà Nh trước khi kết hôn có tìm hiểu nhau thời gian khoảng 05 tháng sau đó mới tiến đến hôn nhân vào năm 2007, hai người có đến Ủy ban nhân dân phường Bình Hưng Hòa A, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 05/4/2007. Trong quá trình chung sống hai vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn cãi vã do tính tình không hợp nhau không còn quan tâm chăm sóc cho nhau. Hai người đã ly thân từ tháng 02/2018 đến nay. Cả hai không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình. Nay ông kiên quyết xin được ly hôn với bà Nh.

Về con chung: có 01 con chung tên Lại Thị Ngọc Tr sinh ngày 01/01/2010 hiện do bà Nh đang nuôi. Khi ly hôn ông giao con cho bà Nh nuôi, ông không cấp dưỡng.

Tài sản chung: tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: không có.

Đối với bị đơn: Bà Lại Thị Nh đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không phản hồi ý kiến gì về việc giải quyết vụ án cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp là hôn nhân gia đình, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Hoà theo quy định tại Điều 35 Bộ luật dân sự. Bà Nh vắng mặt đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà Nh. Ông B có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông B.

[2] Về hôn nhân: Xét thấy ông B và bà Nh hai người trước khi kết hôn có tìm hiểu nhau thời gian khoảng 05 tháng và tự nguyện kết hôn chung sống với nhau vào năm 2007 có đăng ký kết hôn nên Hôn nhân của ông bà là phù hợp Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Thấy rằng từ khi chung sống, hai người chỉ hạnh phúc thời gian đầu về sau cuộc sống chung không hợp nhau, thường xuyên cãi vã nên hai người ly thân từ tháng 2/2018 đến nay. Ông B kiên quyết ly hôn bà Nh, bà Nh đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để hòa giải đoàn tụ nhưng bà Nh không đến. Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng giữa ông B và bà Nh đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó cần chấp nhận đơn xin ly hôn của ông B với bà Nh.

[3] Về con chung: hai người có 01 con chung tên Lại Thị Ngọc Tr sinh ngày 01/01/2010 hiện do bà Nh đang nuôi con. Khi ly hôn ông B đồng ý để con cho bà Nh tiếp tục nuôi, ông không cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử thấy rằng khi cho ông B ly hôn bà Nh cháu Tr đang sống với bà Nh cần để bà Nh tiếp tục nuôi, ông B không cấp dưỡng vì bà Nh không yêu cầu.

[4] Về tài sản chung: Ông B cho rằng để ông và bà Nh tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập xem xét.

[5] Về nợ chung: Ông B khai không có nên không đề cập xem xét.

[6] Về án phí: Ông B là nguyên đơn trong vụ án phải chịu án phí Hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 35, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/ *Về quan hệ hôn nhân*: Ông Nguyễn Văn B được ly hôn bà Lại Thị Nh.

2/ *Về con chung*: Bà Lại Thị Nh được tiếp tục nuôi con chung tên Lại Thị Ngọc Tr sinh ngày 01/01/2010. Ông B không cấp dưỡng nuôi con vì bà Nh không yêu cầu. Vì quyền lợi của trẻ, các đương sự được quyền thăm nom chăm sóc giáo dục con chung không ai có quyền ngăn cản. Khi cần thiết các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi tình trạng nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3/ *Về án phí*: Ông Nguyễn Văn B phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước, được khấu trừ số tiền đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng mà ông B đã nộp theo biên lai số 4915 ngày 14/6/2019 tại Chi cục thi hành án huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND Tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THA huyện Đức Hòa;
- UBND P. Bình Hưng Hòa A, Q. Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh;
- Lưu.

Nguyễn Thị Mộng Thúy